

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 10 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý kết cấu hạ tầng và bảo trì công trình đường sắt quốc gia.
2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý kết cấu hạ tầng và bảo trì công trình đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo trì công trình đường sắt* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường sắt theo quy định của thiết kế hoặc quy trình bảo trì.

2. *Bảo dưỡng công trình đường sắt* là hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ của công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình, tuần, gác, trực giải quyết trở ngại chạy tàu được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.

3. *Sửa chữa công trình đường sắt* là việc khắc phục, khôi phục, cải tạo hoặc thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn giao thông vận tải đường sắt. Sửa chữa công trình đường sắt bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất:

a) *Sửa chữa định kỳ công trình đường sắt* là sửa chữa hư hỏng hoặc cải tạo, thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì và kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được duyệt;

b) *Sửa chữa đột xuất công trình đường sắt* là sửa chữa được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

4. *Kiểm tra công trình đường sắt* là việc quan sát bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. Công tác kiểm tra công trình đường sắt bao gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

5. *Công tác khác* là nội dung được xác định theo kế hoạch quản lý, bảo trì

công trình đường sắt bao gồm các nhiệm vụ: kiểm định công trình; lập, thẩm tra quy trình bảo trì; xây dựng, thẩm tra định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình đường sắt; trông coi bảo quản vật tư thu hồi từ công tác bảo trì công trình đường sắt; tháo dỡ, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt; cắm mốc giới đất dành cho đường sắt; một số nhiệm vụ phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.

6. *Cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt* là tập hợp các thông tin về công trình và lịch sử bảo trì công trình đường sắt được cập nhật, khai thác sử dụng trên hệ thống thông tin quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt.

7. *Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia* là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương II

QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Điều 3. Nội dung công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt, giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; quản lý nguồn tài chính cho công tác quản lý kết cấu hạ tầng và bảo trì công trình đường sắt.

2. Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt và quản lý chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

3. Phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.

5. Quản lý, theo dõi và tổ chức xử lý các vị trí công trình xung yếu, có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng.

6. Tổ chức lập hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt.

7. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 4. Nội dung công tác bảo trì công trình đường sắt

1. Nội dung bảo trì công trình đường sắt được lập thành kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt bao gồm các công việc sau: bảo dưỡng, quan trắc và công tác khác; quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt; sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn.

2. Công tác sửa chữa công trình được xác định theo thiết kế xây dựng hoặc

phương án kỹ thuật và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Công tác bảo dưỡng công trình đường sắt và quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình được xác định theo phương án tác nghiệp kỹ thuật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.

4. Nhiệm vụ quan trắc và công tác khác được xác định theo đề cương được phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 5. Yêu cầu đối với công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt và bảo trì công trình đường sắt

1. Công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và trách nhiệm phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.

2. Bảo trì công trình đường sắt được thực hiện theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được phê duyệt và quy trình bảo trì.

3. Bảo trì công trình đường sắt phải bảo đảm an toàn cho người, tài sản, công trình; bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt; phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

4. Những công việc được thực hiện trước khi điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt gồm:

a) Công trình khắc phục bước 1 hậu quả thiệt hại do sự cố, thiên tai gây ra theo quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; ứng phó sự cố và cứu nạn trong lĩnh vực đường sắt;

b) Nhiệm vụ xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo trì công trình đường sắt

1. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được lập cho từng loại công trình đường sắt, bảo đảm phù hợp với phạm vi quản lý và được cập nhật thường xuyên để phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình; hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt đường sắt; hồ sơ hoàn thành công trình (nếu có) và được quy định như sau:

a) Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình:

Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình được lập cho từng công trình trong đó thể hiện vị trí, phạm vi, quy mô; đặc tính kỹ thuật; thời gian xây dựng, sửa chữa; thời điểm kiểm tra và tình trạng kỹ thuật hiện tại của công trình;

Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình bao gồm các tài liệu quy định tại Quy trình bảo trì, bảng tổng hợp trạng thái kỹ thuật công trình theo mẫu tại Phụ lục I

ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt đường sắt được lập cho từng tuyến đường sắt trên địa giới hành chính theo phân cấp quản lý của tỉnh, thành phố, bảo đảm đồng bộ với hồ sơ mốc giới đất dành cho đường sắt theo quy định của Chính phủ về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt. Nội dung hồ sơ thể hiện thông tin chủ yếu gồm: phạm vi xây dựng công trình đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình và phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt;

c) Hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

d) Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình, hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt đường sắt được cập nhật trong khoảng thời gian không quá 90 ngày kể từ khi hoàn thành bảo trì công trình hoặc phát sinh thay đổi trong thực tế.

2. Hồ sơ bảo trì công trình đường sắt

a) Hồ sơ bảo trì công trình đường sắt gồm tài liệu phục vụ công tác bảo trì và hồ sơ hoàn thành bảo trì được lập cho từng công trình, nhiệm vụ theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được phê duyệt;

b) Tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt gồm: kết quả điều tra trạng thái cơ bản của công trình đường sắt; kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt, phương án giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt; kết quả kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) để phục vụ công tác bảo trì;

c) Hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình gồm: phương án tác nghiệp kỹ thuật được phê duyệt; tài liệu quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình theo quy trình bảo trì và biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác bảo dưỡng;

d) Hồ sơ hoàn thành sửa chữa công trình được lập theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

đ) Hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với các công trình đường sắt thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; ứng phó sự cố và cứu nạn trong lĩnh vực đường sắt;

e) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến bảo trì công trình đường sắt.

Điều 7. Đánh giá an toàn công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Công trình đường sắt ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng phải được tổ chức đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trình tự thực hiện đánh giá an toàn công trình, nội dung đánh giá an toàn công trình đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng,

thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia rà soát, xây dựng danh mục công trình đường sắt thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình theo quy định pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Cục Đường sắt Việt Nam rà soát và công bố danh mục công trình làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 8. Xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

1. Trong quá trình thực hiện bảo trì công trình đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia phải kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng để xử lý theo quy định.

2. Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm:

a) Quyết định biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu;

b) Lập báo cáo gửi Cục Đường sắt Việt Nam kết quả thực hiện hoặc đề xuất kiểm định chất lượng công trình (nếu cần thiết), quan trắc công trình và sửa chữa đột xuất công trình. Báo cáo của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Khi nhận được báo cáo của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, Cục Đường sắt Việt Nam quyết định triển khai thực hiện kiểm định chất lượng công trình, quan trắc công trình, sửa chữa đột xuất công trình và báo cáo Bộ Xây dựng kết quả thực hiện.

4. Sau khi Cục Đường sắt Việt Nam quyết định thực hiện tại khoản 3 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia triển khai thực hiện như sau:

a) Công tác kiểm định chất lượng công trình, quan trắc công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Sửa chữa đột xuất công trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

5. Kết quả thực hiện kiểm định chất lượng, quan trắc, sửa chữa đột xuất công trình được cập nhật, bổ sung vào kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt hoặc kế hoạch điều chỉnh.

Điều 9. Quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, bộ phận công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Quan trắc công trình, kiểm định chất lượng công trình trong quá trình khai thác, sử dụng được thực hiện trong các trường hợp quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia rà soát, xây dựng danh mục công trình đường sắt cần phải thực hiện quan trắc, kiểm định chất lượng gửi Cục Đường sắt Việt Nam quyết định để làm cơ sở lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt hằng năm.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia triển khai thực hiện quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường sắt theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 10. Áp dụng tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác bảo trì công trình đường sắt

1. Công tác bảo trì công trình đường sắt áp dụng theo các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Đối với các công việc chưa có tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì xác định theo đơn giá xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hoặc xác định trên cơ sở giá thị trường hoặc theo giá tương tự ở các công trình đã thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Điều 11. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

1. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt, nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt đang khai thác, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt hằng năm hoặc theo kỳ kế hoạch thuộc phạm vi được giao nhằm đảm bảo an toàn công trình trong quá trình khai thác;

b) Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt xây dựng đầy đủ các thông tin gồm: tên nhiệm vụ, công trình, hạng mục công trình; đơn vị tính, khối lượng, dự kiến kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên đối với các công trình sửa chữa định kỳ;

c) Nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt bao gồm:

Bảo dưỡng công trình đường sắt;

Sửa chữa công trình;

Công tác khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đã thực hiện;

Kiểm định, quan trắc và công tác khác (nếu có);

Quản lý, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt;

Các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai cho năm tiếp theo;

Quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt;

d) Thành phần hồ sơ trình kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt gồm:

Thuyết minh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt, trong đó nêu tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt, nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt đang khai thác, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và phương án phân bổ chi phí;

Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được lập theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

Bảng tổng hợp khối lượng bảo dưỡng công trình đường sắt được lập theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình đường sắt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này. Trường hợp trạng thái công trình đường sắt đã đủ thông tin trong Cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia xác nhận nội dung này trong văn bản đề nghị làm cơ sở sử dụng thay cho hồ sơ giấy;

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình đường sắt của năm kế hoạch trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Đường sắt Việt Nam trước ngày 01 tháng 6 hằng năm để thẩm định; Cục Đường sắt Việt Nam hoàn thành báo cáo thẩm định trước ngày 20 tháng 6 hằng năm. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Đường sắt Việt Nam, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt kế hoạch nhu cầu công tác bảo trì.

2. Trên cơ sở kế hoạch nhu cầu công tác quản lý, bảo trì được phê duyệt, Bộ Xây dựng tổng hợp dự toán kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường sắt vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hằng năm.

3. Phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

a) Trên cơ sở số thông báo của Bộ Xây dựng về dự toán chi ngân sách nhà nước hoạt động kinh tế đường sắt, trong 05 ngày làm việc, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia rà soát, cập nhật kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt của năm kế hoạch phù hợp với nguồn kinh phí được bố trí và trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Đường sắt Việt Nam để thẩm định. Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này; tờ trình kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt lập theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cục Đường sắt Việt Nam thực hiện thẩm định và gửi kết quả thẩm định về Bộ Xây dựng và doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

c) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Đường sắt Việt Nam, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

4. Điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt:

a) Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được điều chỉnh trong quá trình thực hiện để phù hợp với tình trạng kỹ thuật thực tế của công trình đường sắt;

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập hồ sơ điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Đường sắt Việt Nam thẩm định trước ngày 01 tháng 10 hằng năm; Cục Đường sắt Việt Nam hoàn thành báo cáo thẩm định trước ngày 10 tháng 10 hằng năm;

c) Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì điều chỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

d) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Đường sắt Việt Nam, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.

Điều 12. Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

1. Căn cứ kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt và dự toán chi ngân sách nhà nước do Bộ Xây dựng giao, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức thực hiện bảo trì công trình đường sắt.

2. Thực hiện công tác bảo dưỡng công trình đường sắt

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được thực hiện đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

b) Khi thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt theo phương thức đặt hàng, việc lập, thẩm định, ban hành văn bản định giá dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện như sau:

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức lập phương án giá dịch vụ sự nghiệp công trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Đường sắt Việt Nam trước ngày 15 tháng 01 hằng năm;

Cục Đường sắt Việt Nam thực hiện thẩm định phương án giá dịch vụ sự nghiệp công và tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng trước ngày 05 tháng 02 hằng năm. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Xây dựng phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá dịch vụ sự nghiệp công và tổng hợp gửi Bộ Tài chính định giá tối đa;

Cục Đường sắt Việt Nam ban hành văn bản định giá cụ thể dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về giá.

3. Thực hiện công tác sửa chữa công trình

a) Đối với công trình sửa chữa có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng trình Cục Đường sắt Việt Nam thẩm định, phê duyệt. Việc triển khai công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Đối với sửa chữa công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức lập, phê duyệt phương án kỹ thuật - dự toán và triển khai thực hiện.

4. Thực hiện sửa chữa, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với công trình đường sắt

a) Công trình khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai bước 1

Trình tự thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; ứng phó sự cố và cứu nạn trong lĩnh vực đường sắt;

Sau khi khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai bước 1, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổng hợp danh mục công trình báo cáo Cục Đường sắt Việt Nam để cân đối chi phí đề cập nhật, bổ sung vào kế hoạch quản lý, bảo trì hoặc kế hoạch điều chỉnh;

b) Công trình khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai bước 2 thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Việc sử dụng vốn ngoài ngân sách thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường sắt, cơ quan, tổ chức thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường sắt

1. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt theo quy định.

2. Quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công tác bảo trì công trình đường sắt

a) Đối với bảo dưỡng công trình đường sắt: vật tư, thiết bị chủ yếu phải thực hiện thí nghiệm kiểm tra hoặc yêu cầu nhà cung cấp xuất trình đầy đủ chứng nhận về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ trước khi cho phép sử dụng;

b) Đối với sửa chữa công trình: việc quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Nghiệm thu bảo trì công trình đường sắt

a) Đối với bảo dưỡng công trình đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện nghiệm thu theo quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu và quy trình bảo trì;

b) Đối với công tác sửa chữa công trình đường sắt; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với công trình đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

c) Đối với công tác khác theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt được phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm tổ chức xây dựng hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình làm cơ sở để triển khai thực hiện. Hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt phải bảo đảm theo quy trình bảo trì được duyệt.

Điều 14. Báo cáo định kỳ trong quá trình quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt

1. Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt.

2. Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau: nhiệm vụ thực hiện; khối lượng, kinh phí được Bộ Xây dựng phê duyệt hoặc điều chỉnh trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt; chất lượng thực hiện, kết quả nghiệm thu, thanh toán; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.

4. Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Xây dựng.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: văn bản giấy và qua trực liên thông hệ thống quản lý văn bản giữa Bộ Xây dựng, Cục Đường sắt Việt Nam và doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.

6. Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 7 hằng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; trước ngày 15 tháng 01 của tháng tiếp theo đối với báo cáo năm.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần trong năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm.

9. Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt

1. Cục Đường sắt Việt Nam

a) Tổ chức kiểm tra trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trong việc quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường

sắt theo quy định của Thông tư này;

b) Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng đối với các công trình sửa chữa đường sắt thuộc kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt.

2. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng thực hiện tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong việc quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng đường sắt và bảo trì công trình đường sắt.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia

a) Tổ chức thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định;

b) Thực hiện giám sát công tác bảo trì công trình đường sắt, chịu trách nhiệm toàn diện về khối lượng và chất lượng bảo trì công trình đường sắt, đảm bảo hoạt động giao thông đường sắt thông suốt, trật tự, an toàn, chính xác theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm tra, theo dõi định kỳ chất lượng công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng; thực hiện sửa chữa những hư hỏng nhỏ để duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình đường sắt, bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt;

d) Chịu trách nhiệm về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định.

Chương IV

CHI PHÍ QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Điều 16. Nguồn kinh phí, nội dung chi phí quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt

1. Kinh phí dành cho công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt do nhà nước đầu tư được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí dành cho công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt bao gồm:

a) Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt;

b) Chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn, sửa chữa công trình đường sắt, bảo dưỡng công trình đường sắt và quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt;

c) Chi phí lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt; chi phí cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt;

d) Các chi phí cần thiết khác để thực hiện quá trình bảo trì công trình đường sắt theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Việc xác định chi phí thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường sắt được thực hiện như sau:

a) Đối với sửa chữa công trình đường sắt, chi phí thực hiện được xác định theo từng công trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

b) Đối với bảo dưỡng công trình đường sắt và khắc phục bước 1 hậu quả thiệt hại sự cố, thiên tai, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức lập phương án giá dịch vụ sự nghiệp công, dự toán chi phí theo quy định của pháp luật về ngân sách;

c) Đối với các công việc còn lại, chi phí thực hiện được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung và khối lượng công việc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thay thế Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Các công trình, nhiệm vụ đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện đến ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn chưa hoàn thành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Các công trình, nhiệm vụ đã phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa thực hiện thì việc triển khai thực hiện theo quy định của Thông tư này.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia chịu trách nhiệm cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này để phục vụ công tác quản lý, bảo trì công trình đường sắt theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Lưu: VT, KCHTXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP TRẠNG THÁI KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. Đường chính tuyến

1. Tuyến đường sắt:
2. Khổ đường:
3. Lý trình đầu:.....; lý trình cuối:.....; chiều dài
4. Tổng chiều dài cầu:
5. Tổng chiều dài hầm:
6. Số lượng ghi trên chính tuyến: ...bộ; tổng chiều dài.....
7. Khối lượng đường chính:
 - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ...
 - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng
8. Trạng thái kỹ thuật đường chính tuyến được lập cho từng khu gian theo bảng sau:

TT	Lý trình đầu	Lý trình cuối	Chiều dài	Loại nền đường	Chiều dày nền đá	Loại ray	Loại tà vẹt	Loại phụ kiện	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

Ghi chú: *Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:*

- *Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.*
- *Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.*
- *Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.*

II. Đường ga

1. Tuyến đường sắt:

2. Khổ đường:.....

3. Khối lượng đường ga:

- Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ...

- Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ...

....

4. Trạng thái kỹ thuật đường ga được lập cho từng ga theo bảng sau:

4.1. Ga:....

TT	Tên đường ga	Chiều dài toàn bộ	Chiều dài đặt ray	Chiều dài sử dụng	Loại ray	Loại tà vẹt	Loại phụ kiện	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

4.2. Ga...

...

Ghi chú: *Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:*

- *Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.*

- *Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.*

- *Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.*

III. Ghi

1. Tuyến (đoạn tuyến) đường sắt:.....

2. Khổ đường:

3. Khối lượng ghi:

- Loại ghi... số lượng ...

- Loại ghi... số lượng ...

....

4. Trạng thái kỹ thuật ghi được lập cho từng ga (hoặc khu gian) theo bảng sau:

4.1. Ga:...

TT	Tên bộ ghi	Lý trình	Các yếu tố kỹ thuật của ghi						Nước sản xuất	Năm lắp đặt	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
			Tang ghi	Loại ray	Chiều dài	Loại tâm	Hướng rẽ	Góc rẽ					

4.2. Ga:...

...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

IV. Cầu

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Khổ đường:

3. Khối lượng cầu:

- Loại cầu... khối lượng ...

- Loại cầu... khối lượng ...

....

4. Trạng thái kỹ thuật của cầu được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

TT	Tên cầu, lý trình	Chiều dài cầu	Số nhịp	Chiều dài dầm	Loại dầm	Mặt cầu	Mô/trụ	Tải trọng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

V. Công

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Khổ đường:

3. Khối lượng công:

- Loại công... khối lượng ...

- Loại công... khối lượng ...

....

4. Trạng thái kỹ thuật của công được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

TT	Lý trình	Hình dạng	Khẩu độ	Chiều dài công	Chiều dài thân công	Vật liệu	Chiều cao đất đắp	Tải trọng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- *Mức 1:* Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- *Mức 2:* Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

- *Mức 3:* Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

VI. Hàm

1. Tuyến đường sắt:
2. Khổ đường:
3. Khối lượng hàm:
 - Loại hàm... khối lượng ...
 - Loại hàm... khối lượng ...

....

4. Trạng thái kỹ thuật của hàm được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

TT	Tên hàm, lý trình	Chiều dài	Bán kính cong	Độ dốc	Hướng rẽ	Vật liệu		Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
						Tường	Vòm				

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.
- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.
- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

VII. Công trình kiến trúc

1. Trạng thái kỹ thuật công trình nhà ga, kho ga và các công trình phụ trợ được lập cho từng ga theo bảng sau:

1.1. Tuyến đường sắt: ...

1.1.1. Ga: ...

TT	Loại công trình	Cấp công trình	Diện tích	Kết cấu	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
1	Nhà ga (gồm Phòng chỉ huy chạy tàu; phòng đặt máy thông tin tín hiệu; phòng đợi tàu; các phòng chức năng khác).							
2	Kho ga							
3	Đề-pô							
4	Nhà đặt thiết bị TTTH (nếu có)							
5	Nhà gác ghi							
6	Nhà cung cầu (nếu có)							
7	Nhà cung đường (nếu có)							
8	Nhà cung TTTH (nếu có)							
9	Nhà đặt máy bơm, máy nổ							
10	Bể nước (bao gồm cả bể nước phục vụ PCCC)							
11	Nhà để xe							
12	Tường rào, hệ thống cấp, thoát nước và các công trình phụ trợ khác.							
...	...							

1.1.2. Ga: ...

...

2. Trạng thái kỹ thuật công trình nhà gác đường ngang, gác cầu, gác hầm được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

2.1. Tuyến đường sắt: ...

TT	Loại công trình	Cấp công trình	Diện tích	Kết cấu	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
1	Nhà gác đường ngang							
1.1	Đường ngang Km...							
...	...							
2	Nhà gác cầu							
2.1	Cầu Km...							
...	...							
3	Nhà gác hầm							
3.1	Hầm Km...							
...	...							

2.2. Tuyến đường sắt: ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình ke ga, sân ga, bãi hàng, quảng trường ga, đường bộ trong ga được lập cho từng ga theo bảng sau:

3.1. Tuyến đường sắt: ...

3.1.1. Ga: ...

TT	Loại công trình	Diện tích	Kết cấu	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)
1	Ke ga						
1.1	Ke không có mái che						
1.2	Ke có mái che						
1.3	Giao ke						
...	...						
2	Bãi hàng						
2.1	...						
...	...						

3	Sân ga						
3.1	...						
...	...						
4	Quảng trường ga						
4.1	...						
...	...						
5	Đường bộ vào ga						
5.1	...						
...	...						

3.1.2. Ga: ...

...

3.2. Tuyến đường sắt: ...

3.2.1. Ga: ...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng.

IX. Đường ngang

1. Trạng thái kỹ thuật công trình đường ngang phòng vệ bằng biển báo được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

1.1. Tuyến đường sắt: ...

TT	Tên, lý trình	Hệ thống phòng vệ	Tầm nhìn phía đường bộ	Tầm nhìn phía đường sắt	Góc giao	Cấp đường bộ	Chiều rộng mặt đường bộ	Độ dốc đường bộ	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

1.2. Tuyến đường sắt: ...

...

2. Trạng thái kỹ thuật công trình đường ngang phòng vệ bằng cảnh báo tự động được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

2.1. Tuyến đường sắt: ...

TT	Tên, lý trình	Hệ thống phòng vệ	Tầm nhìn phía đường bộ	Tầm nhìn phía đường sắt	Góc giao	Cấp đường bộ	Chiều rộng mặt đường bộ	Độ dốc đường bộ	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

2.2. Tuyến đường sắt: ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình đường ngang phòng vệ có người gác được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

3.1. Tuyến đường sắt: ...

TT	Tên, lý trình	Hệ thống phòng vệ	Tầm nhìn phía đường sắt	Góc giao	Cấp đường bộ	Chiều rộng mặt đường bộ	Độ dốc đường bộ	Nhà gác đường ngang	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái công trình (*)

3.2. Tuyến đường sắt: ...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn.

X. Hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt

1. Trạng thái kỹ thuật công trình đường truyền tải được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

1.1. Tuyến đường sắt: ...

Đoạn		Dây trần			Cáp thông tin, tín hiệu (km/sợi)				Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật công trình (*)
Cột đầu (lý trình đầu)	Cột cuối (lý trình cuối)	Loại cột	Loại xà	Số đôi dây	Cáp quang treo	Cáp quang chôn	Cáp đồng treo	Cáp đồng chôn				

1.2. Tuyến đường sắt: ...

...

2. Trạng thái kỹ thuật trạm thông tin, trung tâm giám sát đường ngang cảnh báo tự động được lập cho từng tuyến đường sắt theo bảng sau:

2.1. Tuyến đường sắt: ...

TT	Tên trạm, địa điểm xây dựng	Loại hình trạm	Chức năng	Số lượng thiết bị chính	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật công trình (*)

2.2. Tuyến đường sắt: ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật thiết bị thông tin tín hiệu ga được lập cho từng ga đường sắt theo bảng sau:

3.1. Tuyến đường sắt: ...

3.1.1. Ga: ...

TT	Tên thiết bị	Loại hình thiết bị	Chức năng	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật công trình (*)

3.1.2. Ga: ...

...

3.2. Tuyến đường sắt: ...

3.2.1. Ga: ...

4. Trạng thái kỹ thuật thiết bị thông, tín hiệu phòng vệ đường ngang có người gác, cầu chung, thông tin cảnh giới đường ngang được lập cho từng đường ngang, cầu chung, điểm cảnh giới trên tuyến đường sắt theo bảng sau:

4.1. Tuyến đường sắt: ...

4.1.1. Đường ngang Km...

TT	Tên thiết bị	Loại hình thiết bị	Chức năng	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật công trình (*)

4.1.2. Đường ngang Km...

...

4.2. Tuyến đường sắt: ...

4.2.1. Đường ngang Km...

...

5. Trạng thái kỹ thuật thiết bị tín hiệu đường ngang cảnh báo tự động được lập cho từng đường ngang trên tuyến đường sắt theo bảng sau:

5.1. Tuyến đường sắt: ...

5.1.1. Đường ngang Km...

TT	Tên thiết bị	Loại hình thiết bị	Chức năng	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa, nội dung sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật công trình (*)

5.1.2. Đường ngang Km...

...

5.2. Tuyến đường sắt: ...

5.2.1. Đường ngang Km...

...

Ghi chú: Cột "Trạng thái công trình" ghi theo hướng dẫn của Quy trình bảo trì, trường hợp chưa đủ điều kiện để đánh giá theo hướng dẫn của quy trình bảo trì, ghi theo nội dung đánh giá trực quan về chất lượng công trình với các mức 1, 2, 3 như sau:

- Mức 1: Công trình không có dấu hiệu hư hỏng, bảo đảm điều kiện khai thác bình thường.

- Mức 2: Công trình có dấu hiệu hư hỏng nhỏ nhưng vẫn bảo đảm điều kiện khai thác, cần phải sửa chữa nhỏ lẻ trong quá trình bảo dưỡng, về lâu dài cần lập kế hoạch sửa chữa định kỳ.

- Mức 3: Công trình hư hỏng cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu.

Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO
XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT CÓ DẤU HIỆU NGUY
HIỂM, KHÔNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO KHAI THÁC, SỬ DỤNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

(TÊN ĐƠN VỊ) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

V/v ...

Kính gửi: Cục Đường sắt Việt Nam

Thực hiện quy định về bảo trì công trình đường sắt, ...(1)... báo cáo xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng như sau:

1. Tình hình khai thác, sử dụng công trình:

...(2)...

2. Mô tả dấu hiệu nguy hiểm công trình:

...(3)...

3. Biện pháp xử lý đang thực hiện:

...(4)...

4. Đề xuất, kiến nghị:

...(5)...

Nơi nhận:

...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Hướng dẫn ghi báo cáo

- (1) Ghi tên doanh nghiệp báo cáo.*
- (2) Ghi tên công trình, hạng mục công trình, địa điểm và tình hình khai thác sử dụng công trình trong thời gian gần đây.*
- (3) Mô tả mức độ hư hỏng, dấu hiệu nguy hiểm công trình kèm theo ảnh chụp hiện trạng, kết quả theo dõi, kiểm tra (nếu có).*
- (4) Nêu rõ các biện pháp xử lý đang được áp dụng để bảo đảm khai thác chạy tàu an toàn.*
- (5) Đề xuất biện pháp xử lý, dự kiến phạm vi, quy mô sửa chữa công trình (nếu cần thiết).*

Phụ lục III
KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

I. Biểu 01: Bảng tổng hợp kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường sắt

TT	Nhiệm vụ	Kinh phí (nghìn đồng)
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV)	
I	Bảo dưỡng, quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt	
1	Sản phẩm...	
1.1	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
1.2	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
...	...	
2	Sản phẩm...	
2.1	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
2.2	Tuyến đường sắt... từ Km... đến Km...	
...	...	
n	Quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt	
II	Sửa chữa công trình đường sắt	
1	Sửa chữa định kỳ	
1.1	Công trình < 500 triệu đồng	
1.2	Công trình ≥ 500 triệu đồng	
2	Sửa chữa đột xuất	
III	Quan trắc và công tác khác	
1	Quan trắc	
2	Công tác ...	
IV	Các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai	
1	Trả nợ công tác xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đã thực hiện	
2	Dự phòng các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai xảy ra trong năm	

II. Biểu 02: Bảng chi tiết bảo dưỡng công trình đường sắt

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	<i>Sản phẩm thứ 1</i>					
1.1	<i>Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)</i>					
	- Đường chính tuyến	km				
	- Đường ga	km				
	- Ghi	bộ				
					
1.2	<i>Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)</i>					
	- Đường chính tuyến	km				
	- Đường ga	km				
	- Ghi	bộ				
					
...	...					

III. Biểu 03: Danh mục sửa chữa công trình đường sắt

TT	Tên công trình	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Tuyến đường sắt...
1.1	Công trình...
...
2	Tuyến đường sắt...
2.1	Công trình...
...

IV. Biểu 04: Danh mục quan trắc và công tác khác

TT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Kiểm định
1.1	Nhiệm vụ...
...
2	Quan trắc
2.1	Nhiệm vụ...
...
3	Công tác
3.1	Nhiệm vụ...
...

V. Biểu 05: Danh mục công trình xử lý khẩn cấp sự cố; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai

TT	Tên công trình	Kinh phí
1	Công trình...	...
2	Công trình...	...
...

Phụ lục IV

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng năm trước	Khối lượng năm nay	Tăng / giảm	Lý do tăng / giảm
1	Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)					
	- Đường chính tuyến	km				
	- Đường ga	km				
	- Ghi	bộ				
	- Cầu	km				
	- Cống	km				
	- Hàm	km				
	-					
	-					
2	Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)					
	-					

Phụ lục V
MẪU TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

(TÊN ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì
công trình đường sắt quốc gia năm ...(1)...

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng;
- Cục Đường sắt Việt Nam.

Thực hiện quy định về bảo trì công trình đường sắt, ...(2)... trình thẩm định, phê duyệt quản lý, bảo trì công trình đường sắt quốc gia năm ...(1)... như sau:

1. Căn cứ

...(3)...

2. Kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì năm trước

...(4)...

3. Mục tiêu và cơ cấu bố trí kinh phí kế hoạch

...(5)...

4. Nội dung kế hoạch

...(6)...

5. Đề xuất, kiến nghị

...(7)...

Nơi nhận:

...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Hướng dẫn ghi tờ trình

(1) Ghi năm kế hoạch.

(2) Ghi tên doanh nghiệp trình kế hoạch bảo trì.

(3) Ghi đầy đủ các căn cứ làm cơ sở để xây dựng kế hoạch bảo trì bao gồm: các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; các văn bản chỉ đạo, điều hành trong quá trình thực hiện bảo trì có liên quan.

(4) Tóm tắt kết quả thực hiện đối với các nội dung đã và đang thực hiện kế hoạch bảo trì của năm trước.

(5) Thuyết minh mục tiêu hướng tới và nguyên tắc cơ cấu bố trí kinh phí trong kế hoạch để bảo đảm phù hợp với tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt và nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt; quá trình điều tra, xác nhận khối lượng nhu cầu bảo trì.

(6) Thuyết minh làm rõ từng nội dung trong kế hoạch bảo trì gồm: bảo dưỡng công trình đường sắt; sửa chữa công trình; công tác khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đã thực hiện; kiểm định, quan trắc và công tác khác (nếu có); quản lý, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt; các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai cho năm tiếp theo; quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

(7) Nêu rõ đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp trình kế hoạch bảo trì.
(Tài liệu gửi kèm theo tờ trình theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Thông tư này).

Phụ lục VI

**BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢO TRÌ
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

(TÊN ĐƠN VỊ) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢO TRÌ KẾT
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

(Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm /năm...)

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng;
- Cục Đường sắt Việt Nam.

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)
1	Bảo dưỡng công trình đường sắt					
1.1	Tuyến đường sắt ... (từ Km... đến Km...)					
...	...					
2	Sửa chữa công trình đường sắt					
2.1	Công trình...					
...	...					
3	Nhiệm vụ khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt					
3.1	Nhiệm vụ...					
...	...					
4	Công tác khác					

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)
4.1	Công tác...					
...	...					

2. Đề xuất, kiến nghị:

a) Đề xuất:

b) Kiến nghị:

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*